

Bản án số: **02/2023/HNGĐ-PT**

Ngày: 09/3/2023.

V/v: *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tấn Hoàng**

Ông **Trương Công Thi**

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 613/2023/QĐPT-HC ngày 31/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 613/2023/QĐ-PT ngày 20/02/2023; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Quang B – sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố T2, thị trấn P, huyện P, Bình Định. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Đào Thị T – sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: Khu phố T2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: No. 68 GongMing Rd. East Dist Chia Yi City 600 TaiWan. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Anh Trần Huy T1, sinh năm 1974; hiện ở số 56 Lê thị Khuông, Tổ 12, KV2, phường N1, thành phố Q, Bình Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04/9/2019, bản tự khai đề ngày 03/3/2020, nguyên đơn anh Lê Quang B trình bày:

Anh và chị Đào Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, từ năm 2015 đến năm 2018 vợ chồng càng xảy ra mâu thuẫn, chị T thường xuyên bỏ nhà đi, bỏ con lại cho anh nuôi. Anh không biết chị T đi đâu, làm gì và ở đâu. Anh đã khuyên chị T ở nhà để gia đình cùng nhau chăm lo con cái nhưng chị T vẫn không thay đổi dẫn đến gia đình tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, ảnh hưởng đến cuộc sống của con cái và vợ chồng không thể hòa hợp tiếp tục sống với nhau. Ngày 22/5/2018, anh có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện P để xin ly hôn với chị T nhưng Tòa bác đơn. Sau khi Tòa án nhân dân huyện P bác đơn ly hôn, chị T dẫn con gái đi cùng và anh cũng không biết chị T dẫn con đi đâu, làm gì. Trong thời gian này, anh và chị T không sống chung và cũng không liên lạc được với nhau. Đến ngày 07/10/2018, chị T gọi điện thoại cho anh vào sân bay Tân Sơn Nhất đón con gái về nuôi để chị đi nước ngoài. Ngày 09/10/2018, anh ra sân bay Tân Sơn Nhất đón con gái về nuôi cho đến nay.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/9/2012. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày đề ngày 06/12/2021, bị đơn chị Đào Thị T trình bày:

Chị và anh Lê Quang B tự tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 07/4/2010 tại UBND thị trấn P. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian khoảng 02 năm gần đây, vì kinh tế gia đình gặp khó khăn nên chị và anh B đã thống nhất để chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Đây là sự thỏa thuận của vợ chồng tạm xa nhau một thời gian theo hợp đồng xuất khẩu lao động mà không hề có bất kỳ mâu thuẫn nhỏ nào giữa vợ chồng. Do vậy lý do anh B đưa ra để yêu cầu ly hôn với chị là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B.

Về con chung: Giữa vợ chồng chị có 01 con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/9/2012. Chị không đồng ý giao con chung Lê Thị Kim N cho anh B nuôi dưỡng vì anh B có hành vi quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bị cháu N thấy và kể lại cho chị biết thì anh B cấm không cho cháu N sử dụng điện thoại để liên lạc với chị. Chị yêu cầu Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu N trước sự chứng kiến, giám hộ của anh Đào Thái Văn H, sinh năm 2001 là anh trai cùng mẹ khác cha với cháu N. Vì Tòa tiến hành lấy lời khai cháu N trước sự chứng kiến của anh Lê Quang B thì cháu N sẽ không dám nói sự thật.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang B. Anh Lê Quang B được ly hôn với chị Đào Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/9/2012 cho anh Lê Quang B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện tại con chung Lê Thị Kim N đang ở với anh B).

Anh Lê Quang B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Anh Lê Quang B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí sơ thẩm, quy định về thi hành án và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022, chị Đào Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị tuyên hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và nội dung làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích pháp của chị.

Tại phiên tòa:

- Chị Đào Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn; trường hợp ly hôn thì chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của chị Đào Thị T; nhận thấy:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân; xét thấy: Anh Lê Quang B và chị Đào Thị T tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010; sau thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nên vào năm 2018 anh khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị T tại Tòa án nhân dân huyện P. Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 120/2018/HNGĐ-ST ngày 12/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định: *“Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Quang B về việc yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Đào Thị T. Không cho anh Lê Quang B ly hôn với chị Đào Thị T”*. Tuy nhiên từ khi Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn đến nay, tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị vẫn không hạnh phúc, mỗi người ở mỗi nơi, chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú, xuất cảnh ra nước ngoài lao động mà không thông báo cho chính quyền địa phương, anh B cũng không biết chị T đang sống ở đâu. Điều này chứng tỏ tình cảm và đời sống hôn nhân giữa hai anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[1.2]. Về con chung; xét thấy: Anh B và chị T có 01 con chung là cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/9/2012. Hiện nay cháu N do anh B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T đang lao động ở nước ngoài; đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/5/2022, cháu N trình bày có nguyện vọng xin ở với anh B. Do đó án sơ thẩm giao 01 con chung là cháu N cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu N, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T trình bày hiện nay chị đã về Việt Nam sinh sống, mở cửa hàng Mỹ nghệ kinh doanh nên đủ điều kiện chăm sóc con chung; đồng thời chị trình bày quá trình nuôi dưỡng cháu N, anh B có hành vi bạo lực đối với con. Tuy nhiên chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh lời trình bày trên. Mặt khác, tại phiên tòa cháu N trình bày quá trình sống với anh B, anh B thương yêu, chăm sóc đầy đủ; còn nguyện vọng của cháu N là muốn được sống có đầy đủ bố mẹ. Do đó, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị T.

[1.3]. Về tài sản chung; xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, anh B không yêu cầu giải quyết và chị T cũng không có ý kiến gì, nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là đúng pháp luật.

Từ phân tích, nhận định trên, hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của chị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Đào Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Quang B. Anh Lê Quang B được ly hôn với chị Đào Thị T.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Kim N, sinh ngày 06/9/2012 cho anh Lê Quang B nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi (hiện tại con chung Lê Thị Kim N đang ở với anh B); chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh Lê Quang B không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị và được thi hành theo Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2022/HC-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền số 0000242 ngày 31/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (do anh Trần Huy T1 nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 09/3/2023./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tào